TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02-12-2021
V/v yêu cầu xác định cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ.

Bà Đinh Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 415/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: số nhà 209, ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Hoàng Xuân Q, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp 2, xã A, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 01 năm 2021); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hiền D, sinh năm 1958; hộ khẩu thường trú: số 114/25, đường Đ, phường L, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 504 E, thành phố M, tỉnh Bình Dương, Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hiền Hà thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Danh F, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ: số nhà 209, ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 11 năm 2020, bản tự khai ngày 22 tháng 12 năm 2020 và Biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 3 năm 2021; Biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 5 năm 2021 và tại phiên tòa sơ thẩm bà T trình bày:

Bà T và ông F là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương vào ngày 10 tháng 10 năm 1996. Hôn nhân giữa bà T và ông F hoàn toàn tự nguyện. Bà T và ông F có 02 con chung tên Trần Nguyễn Thu P, sinh năm 1997 và Trần Danh R, sinh năm 2002. Con chung của bà T và ông F đã thành niên. Trong quá trình chung sống cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông F không hạnh phúc do ông F không quan T, lo lắng, chăm sóc lo cho gia đình, không chung thủy. Bà T đã nhiều lần khuyên can nhưng ông F không thay đổi đến năm 2014 thì mâu thuẫn giữa bà T và ông F ngày càng trầm trọng. Bà T và ông F đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay dù sống chung một nhà. Khoảng tháng 7 năm 2015, bà T quen biết và nói chuyện qua lại với ông Bùi Văn C qua mạng xã hội và nảy sinh tình cảm với nhau. Đến ngày 31 tháng 8 năm 2015, ông C hẹn gặp bà T tại nơi làm việc của ông C ở xã Đ, thị xã U; trên đường đi, ông C mời bà T uống cà phê; sau khi uống cà phê thì ông C đề nghị bà T đi nhà nghỉ. Khi vào nhà nghỉ Hương Sen ở xã V, thị xã U, do bà T và ông C không làm chủ được nên đã quan hệ tình dục với nhau. Kể từ thời điểm này, bà T và anh C có tình cảm thật sự với nhau. Bởi lẽ, bà T và chồng bà T sống không hạnh phúc, ly thân nhiều năm và không còn tình cảm. Ông C khi đó theo sự cảm nhận của bà T, ông C là người đàn ông có đạo đức, giỏi trong C việc, cảm nhận được sự che chở của ông C dành cho bà T nên bà T đã dành tình cảm chân thành cho ông C dù biết ông C đã có vợ. Ông C cũng chia sẻ với bà T là vợ chồng ông C không có tiếng nói chung. Khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 10 năm 2016, bà T và ông C qua lại lén lút, gia đình hai bên không biết. Đến tháng 10 năm 2016, vì bà T và ông C có tình cảm thật sự với nhau nên bà T và ông C bàn bạc sinh con chung, ông C đồng ý. Khi đó, bà T và ông C cũng thống nhất không ai bỏ vợ, bỏ chồng để chính thức đến với nhau. Sau đó, bà T mang thai, đến ngày 31 tháng 7 năm 2017 bà T sinh cháu Trần Nguyễn Như Hạnh. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Hạnh, bà T khởi kiện ông C yêu cầu xác định ông C là cha của cháu Hạnh. Mục đích bà T muốn xác nhận cha cho cháu Hạnh là ông C là để tránh trường hợp sau này con bà T và ông C có quan hệ yêu đương mà không biết cả hai là anh em.

Tại Bản tự khai ngày 11 tháng 01 năm 2020; biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 01 năm 2021; Biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 5 năm 2021 và tại phiên tòa sơ thẩm ông C trình bày:

Ông C và bà T là bạn bè quen biết ngoài ra không có mối quan hệ nào khác. Ông C biết được bà T là do đi tìm đất để mua nên mới biết được số điện thoại của bà T. Sau khi có số điện thoại của bà T, khoảng đầu tháng 8 năm 2015 ông C kết bạn Zalo với bà T được khoảng 02 đến 03 ngày, bà T chủ động gọi điện, nhắn tin rủ ông C đi uống cà phê để bàn việc mua bán đất. Ông C đồng ý. Ngày 05 tháng 8 năm 2015, ông C và bà T đi uống cà phê với nhau, đây cũng là lần gặp mặt đầu tiên giữa hai người. Khi này, giữa hai bên đã có sự cảm mến với nhau. Ngày 31 tháng 8 năm 2015, ông C đi làm công nhân kỹ thuật tại vườn cao su thuộc xã L, thị xã U, tỉnh Bình Dương; bà T cũng có C việc đi cùng đường với ông C nên hai bên đã hẹn gặp nhau để uống cà phê tại xã Đ. Sau khi đi uống cà phê xong, ông C và bà T đi ăn uống với nhau, có ghé vào nhà nghỉ Hương Sen, hai bên đã nảy sinh quan hệ tình dục tự nguyện với nhau. Khi này, ông C chưa thương yêu gì bà T. Sau lần quan hệ này, ông C và bà T vẫn thường xuyên gọi điện, nhắn tin qua lại, tiếp tục quan hệ tình dục với nhau. Theo kết quả giảm định AND xác định cháu K là con của ông C thì ông C không có ý kiến gì. Bà T khởi kiện yêu cầu xác nhận cháu Trần Nguyễn Như K là con của ông C thì ông C không đồng ý. Ông C đề nghị giám định lại một lần nữa theo Đơn xin giám định lại ADN ngày 15 tháng 4 năm 2021 của ông C; mục đích giám định lại để ông C và gia đình ông C yên tâm.

Tại Bản tự khai ngày 12 tháng 3 năm 2021 và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N trình bày:

Bà N và bà T không có mối quan hệ gì. Bà N là vợ của ông C. Bà T và ông C làm bất động sản chung với nhau, thường xuyên gần gũi nhau nên cả hai bên đã nảy sinh quan hệ tình dục nhiều lần. Ngày 31 tháng 7 năm 2017, bà T mang thai sinh ra cháu Trần Nguyễn Như K. Theo Kết quả giám định AND của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận cháu K là con của ông C thì bà N không có ý kiến gì về kết luận giám định. Tuy nhiên, mong muốn của bà N được giám định lại một lần nữa về AND giữa cháu K và ông C một lần nữa.

Tại Bản tự khai ngày 26 tháng 5 năm 2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông F trình bày:

Ông F và bà T là vợ chồng sống chung với nhau từ năm 1996 đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nên ông F và bà T sống ly thân với nhau. Về mặt pháp lý, ông F và bà N vẫn là vợ chồng nhưng giữa ông F và bà N không còn tình cảm với nhau và không sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Năm 2017, bà T sinh cháu Nguyễn Trần Như K. Mặc dù cháu K được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nhưng ông F khẳng định đó không phải là con chung của ông F và bà T vì hai bên đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Hơn nữa theo kết quả xét nghiệm AND số 65/GV/02.21/AND ngày 05 tháng 02 năm 2021 của công ty TNHH Đầu tư Phân tích di truyền gen Việt kết luận ông F không có quan hệ huyết thống cha con với cháu Trần Nguyễn Như K.

Nay, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án C nhận ông Bùi Văn C là cha của cháu K thì ông F không có ý kiến gì. Ông F thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản kết luận giám định AND số 1700/C09B ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Phân viện Khoa học hình sự Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận ông Bùi Văn C và cháu Trần Nguyễn Như K có quan hệ huyết thống cha con.

Nguyên đơn bà T, bị đơn ông C, người đại diện hợp pháp của ông C là anh Q; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh C là ông D và người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà N thống nhất kết quả giám định và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C là ông Nguyễn Hiền D trình bày:

Ông D không có ý kiến gì về kết luận giám định quả giám định AND của Phân viện khoa học hình sự Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 9 năm 2021. Ông D vẫn thống nhất ý kiến của ông C mong muốn được giám định ADN lại một lần nữa để cho gia đình ông C yên T.

Tại phiên tòa sau khi tranh luận các bên nguyên đơn bà T, bị đơn ông C người đại diện hợp pháp của ông C là anh Q; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N đều thống nhất ông C là cha của cháu Trần Nguyễn Như K, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2017.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định về khởi kiện và thụ lý vụ án của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: các bên tranh chấp phát sinh từ việc nguyên đơn bà T yêu cầu xác định bị đơn ông C là cha của cháu Trần Nguyễn Như K, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2017, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về yêu cầu xác định cha cho con theo quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền: tranh chấp về yêu cầu xác định cha cho con giữa các đương sự trong vụ án là một loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 4 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông C có nơi cư trú tại số nhà 209, ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng.

[4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông F vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[5] Xét yêu cầu của bị đơn ông C, người đại diện hợp pháp của bị đơn anh Q, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N về việc yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định AND lại:

Bị đơn ông C, người đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Q, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N không có ý kiến gì về quá trình lấy mẫu AND cũng như Kết luận giám định AND số 1700/C09B ngày 29 tháng 3 năm 2021. Tuy nhiên, ông C, anh Q, ông D và bà N muốn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định AND lại thêm một lần nữa để khẳng định chắc chắn lại một lần cuối cháu K là con của ông C. Như đã phân tích ở trên, việc lấy mẫu để phục vụ cho công tác giám định đã được cơ quan có chức năng có thẩm quyền làm việc một cách công khai, minh bạch có sự chứng kiến của các bên. Mặt khác, các đương sự muốn trưng cầu giám định lại nhưng không đưa ra được lý do cho rằng Kết luận giám định AND số 1700/C09B ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Phân viện Khoa học hình sự Thành phố Hồ Chí Minh không vô tư, khách quan. Do đó, việc yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định AND lại là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Tại Biên bản xác minh do Tòa án lập ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng và Văn phòng ấp 2 xã Tân Hưng về tình trạng hôn nhân của bà T và ông F địa phương xác định bà T và ông F vẫn đang sống chung với nhau bình thường không có mâu thuẫn gì xảy ra. Việc bà T có con riêng với ông C hay không địa phương không rõ (bút lục số 139 – 141). Tại Biên bản xác minh do Tòa án lập ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Văn phòng ấp 5 xã A về tình trạng hôn nhân của ông C và bà N địa phương xác định ông C và bà N vẫn đang sống chung với nhau bình thường không có mâu thuẫn gì xảy ra. Việc ông C có con riêng với bà T hay không địa phương không rõ (bút lục số 136 – 137).

Bà T và ông C đều là người đã có vợ, có chồng hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà T có quan hệ tình dục với ông C khi đang ở trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp với ông F; ông C có quan hệ tình dục với bà T khi đang ở trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp với bà N. Tuy nhiên, bà T và ông C chỉ lén lút quan hệ với nhau chứ không chung sống công khai; địa phương nơi các bên sinh sống cũng xác định hôn nhân của bà T và ông F cũng như hôn nhân giữa ông C và bà N không xảy ra bất kỳ mâu thuẫn gì. Đến thời điểm hiện nay, các bên vẫn đang vẫn còn chung sống hạnh phúc với nhau. Việc bà T và ông C lén lút quan hệ với nhau nhưng chưa dẫn đến hậu quả quan hệ hôn nhân của một hoặc hai bên dẫn đến ly hôn. Do đó, chưa đủ cở sở để xử lý vi phạm pháp luật đối với bà T và ông C.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T về việc yêu cầu xác định cháu Trần Nguyễn Như K, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2017 là con của ông Bùi Văn C: Sau khi kết thúc phần tranh luận, nguyên đơn bà T; bị đơn ông C, người đại diện

hợp pháp của ông C; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N đều thống nhất ông Bùi Văn C là cha của cháu Trần Nguyễn Như K, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2017 theo Kết luận giám định AND của Phân viện khoa học hình sự Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 9 năm 2021. Do đó, việc bà T khởi kiện yêu cầu xác định ông C là cha của cháu K là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định lại AND là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bị đơn, xác định ông Bùi Văn C là cha của cháu Trần Nguyễn Như K, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2017.

[11] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được chấp nhận nên bị đơn ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 25, Điều 39 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 90, khoản 2 Điều 101 và Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T với bị đơn ông Bùi Văn C về việc yêu cầu xác định cha cho con.

Xác định ông Bùi Văn C là cha của cháu Trần Nguyễn Như K, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2017.

2. Về án phí:

Ông Bùi Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí. Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0039198 ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng